

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2020-2021**

**A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu**

| STT        | Nội dung                                    | Tổng Số    | Chức danh |     | Trình độ đào tạo |     |         |    |      | Hạng chức danh nghề nghiệp |         |        |
|------------|---------------------------------------------|------------|-----------|-----|------------------|-----|---------|----|------|----------------------------|---------|--------|
|            |                                             |            | GS        | PGS | TS               | ThS | Đại học | CD | Khác | Hạng III                   | Hạng II | Hạng I |
| <b>I</b>   | <b>Tổng số</b>                              | <b>125</b> |           |     |                  |     |         |    |      |                            |         |        |
| <b>1</b>   | <b>Giảng viên cơ hữu theo ngành</b>         | <b>108</b> |           |     |                  |     |         |    |      |                            |         |        |
| <b>1.1</b> | <b>Khối ngành III</b>                       | <b>17</b>  |           |     |                  |     |         |    |      |                            |         |        |
|            | Ngành Kế toán                               | 17         |           |     | 1                | 14  | 2       |    |      |                            |         |        |
| <b>1.2</b> | <b>Khối ngành V</b>                         | <b>67</b>  |           |     |                  |     |         |    |      |                            |         |        |
|            | Ngành Công nghệ KT Điện - Điện tử           | 12         |           |     | 2                | 8   | 2       |    |      |                            |         |        |
|            | Ngành Công nghệ KT Điều khiển & Tự động hóa | 6          |           |     | 1                | 5   |         |    |      |                            |         |        |
|            | Ngành Công nghệ thông tin                   | 13         |           | 1   | 1                | 9   | 2       |    |      |                            |         |        |
|            | Ngành Công nghệ thực phẩm                   | 8          |           | 1   | 2                | 5   |         |    |      |                            |         |        |
|            | Ngành Công nghệ KT Hóa học                  | 6          |           | 1   | 1                | 4   |         |    |      |                            |         |        |
|            | Ngành Công nghệ KT Nhiệt                    | 2          |           | 2   |                  |     |         |    |      |                            |         |        |
|            | Ngành Quản lý Công nghiệp                   | 8          |           |     | 1                | 7   |         |    |      |                            |         |        |
|            | Ngành Công nghệ KT Cơ khí                   | 12         |           | 1   | 1                | 8   | 2       |    |      |                            |         |        |
| <b>1.3</b> | <b>Khối ngành VII</b>                       | <b>24</b>  |           |     |                  |     |         |    |      |                            |         |        |
|            | Ngành Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành   | 13         |           | 2   | 4                | 5   | 2       |    |      |                            |         |        |
|            | Ngành Quản trị khách sạn                    | 11         |           |     | 3                | 7   | 1       |    |      |                            |         |        |
| <b>2</b>   | <b>Giảng viên cơ hữu môn chung</b>          | <b>17</b>  |           |     | 1                | 14  | 2       |    |      |                            |         |        |

**B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành**

| STT        | Họ và tên                                              | Năm sinh   | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|------------|--------------------------------------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Khối ngành III</b>                                  |            |           |           |                  |                        |
| <b>1.1</b> | <b>Ngành Kế toán</b>                                   |            |           |           |                  |                        |
| 1          | Đỗ Thị Bích Hợp                                        | 30/06/1948 | Nữ        |           | Tiến sĩ          |                        |
| 2          | Hồ Thị Vây                                             | 10/09/1992 | Nữ        |           | Thạc sĩ          |                        |
| 3          | Trần Thị Thảo                                          | 25/05/1990 | Nữ        |           | Thạc sĩ          |                        |
| 4          | Phan Thị Thu Minh                                      | 28/02/1981 | Nữ        |           | Thạc sĩ          |                        |
| 5          | Phạm Thị Tú Anh                                        | 28/12/1985 | Nữ        |           | Thạc sĩ          |                        |
| 6          | Phạm Thị Ngọc Hiền                                     | 06/01/1985 | Nữ        |           | Thạc sĩ          |                        |
| 7          | Nguyễn Thị Việt Hằng                                   | 08/06/1985 | Nữ        |           | Thạc sĩ          |                        |
| 8          | Nguyễn Thị Thùy Vân                                    | 24/11/1988 | Nữ        |           | Thạc sĩ          |                        |
| 9          | Nguyễn Thị Thanh Huyền                                 | 20/05/1983 | Nữ        |           | Thạc sĩ          |                        |
| 10         | Nguyễn Thị Hải Hà                                      | 26/05/1984 | Nữ        |           | Thạc sĩ          |                        |
| 11         | Ngô Thị Tươi                                           | 24/04/1984 | Nữ        |           | Thạc sĩ          |                        |
| 12         | Lê Diệu Thúy                                           | 25/02/1988 | Nữ        |           | Thạc sĩ          |                        |
| 13         | Bùi Thị Minh Hoài                                      | 22/12/1986 | Nữ        |           | Thạc sĩ          |                        |
| 14         | Bùi Thị Mai Phương                                     | 16/03/1990 | Nữ        |           | Thạc sĩ          |                        |
| 15         | Đào Thị Như Quỳnh                                      | 08/12/1984 | Nữ        |           | Thạc sĩ          |                        |
| 16         | Trần Thị Bích Ngọc                                     | 06/10/1986 | Nữ        |           | Cử nhân          |                        |
| 17         | Nguyễn Thị Nhung                                       | 08/01/1989 | Nữ        |           | Cử nhân          |                        |
| <b>II</b>  | <b>Khối ngành V</b>                                    |            |           |           |                  |                        |
| <b>2.1</b> | <b>Ngành Công nghệ KT Điện - Điện tử</b>               |            |           |           |                  |                        |
| 1          | Lương Thanh Bình                                       | 08/02/1958 | Nam       |           | Tiến sĩ          |                        |
| 2          | Nguyễn Quang Ninh                                      | 17/01/1983 | Nam       |           | Tiến sĩ          |                        |
| 3          | Nguyễn Hải Lâm                                         | 20/05/1987 | Nam       |           | Thạc sĩ          |                        |
| 4          | Phùng Thị Thanh                                        | 17/07/1982 | Nữ        |           | Thạc sĩ          |                        |
| 5          | Nguyễn Văn Trường                                      | 01/10/1984 | Nam       |           | Thạc sĩ          |                        |
| 6          | Nguyễn Thanh Quảng                                     | 02/01/1983 | Nam       |           | Thạc sĩ          |                        |
| 7          | Lê Thị Thanh Huyền                                     | 06/04/1985 | Nữ        |           | Thạc sĩ          |                        |
| 8          | Đậu Văn Tuấn                                           | 13/03/1991 | Nam       |           | Thạc sĩ          |                        |
| 9          | Nguyễn Trọng Sóng                                      | 28/11/1983 | Nam       |           | Thạc sĩ          |                        |
| 10         | Âu Văn Tuấn                                            | 01/10/1983 | Nam       |           | Thạc sĩ          |                        |
| 11         | Nguyễn Thị Thủy                                        | 20/11/1986 | Nữ        |           | Cử nhân          |                        |
| 12         | Cao Đăng Hương                                         | 20/06/1984 | Nam       |           | Cử nhân          |                        |
| <b>2.2</b> | <b>Ngành Công nghệ KT Điều khiển &amp; Tự động hóa</b> |            |           |           |                  |                        |
| 1          | Võ Thanh Cương                                         | 04/11/1948 | Nam       |           | Tiến sĩ          |                        |
| 2          | Nguyễn Văn Nhân                                        | 08/04/1980 | Nam       |           | Thạc sĩ          |                        |
| 3          | Lê Đình Tâm                                            | 11/09/1981 | Nam       |           | Thạc sĩ          |                        |
| 4          | Bùi Thị Hoài Vân                                       | 15/10/1982 | Nữ        |           | Thạc sĩ          |                        |
| 5          | Lê Thị Kim Dung                                        | 24/08/1982 | Nữ        |           | Thạc sĩ          |                        |

|            |                                   |            |     |     |         |  |
|------------|-----------------------------------|------------|-----|-----|---------|--|
| 6          | Đinh Văn Tuyền                    | 08/01/1983 | Nam |     | Thạc sĩ |  |
| <b>2.3</b> | <b>Ngành Công nghệ thông tin</b>  |            |     |     |         |  |
| 1          | Nguyễn Ngọc Thuần                 | 20/12/1951 | Nam |     | Tiến sĩ |  |
| 2          | Trần Anh Tuấn                     | 06/03/1960 | Nam | PGS | Tiến sĩ |  |
| 3          | Đinh Thị Minh Hạnh                | 20/12/1981 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 4          | Phan Thị Thu Hiền                 | 28/08/1983 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 5          | Nguyễn Việt Cường                 | 16/10/1980 | Nam |     | Thạc sĩ |  |
| 6          | Nguyễn Thanh Tuấn                 | 09/09/1979 | Nam |     | Thạc sĩ |  |
| 7          | Lê Thị Hoài Thu                   | 10/09/1985 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 8          | Hoàng Thị Vinh                    | 07/03/1981 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 9          | Nguyễn Thị Thanh Tĩnh             | 16/01/1980 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 10         | Lê Thị Cẩm Tú                     | 18/11/1984 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 11         | Lê Văn Bằng                       | 15/11/1951 | Nam |     | Thạc sĩ |  |
| 12         | Nguyễn Thị Hiền                   | 26/04/1984 | Nữ  |     | Cử nhân |  |
| 13         | Hà Huy Sơn                        | 17/08/1981 | Nam |     | Cử nhân |  |
| <b>2.4</b> | <b>Ngành Công nghệ thực phẩm</b>  |            |     |     |         |  |
| 1          | Trương Thị Hòa                    | 20/03/1947 | Nữ  | PGS | TSKH    |  |
| 2          | Phạm Anh Tuấn                     | 19/02/1974 | Nam |     | Tiến sĩ |  |
| 3          | Trịnh Văn Thân                    | 07/03/1948 | Nam |     | Tiến sĩ |  |
| 4          | Nguyễn Thị Trang                  | 28/06/1989 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 5          | Nguyễn Thị Hoa                    | 05/07/1986 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 6          | Trịnh Thị Huyền                   | 06/06/1977 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 7          | Mai Thị Kim Phụng                 | 03/01/1989 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 8          | Bùi Quang Chính                   | 22/08/1977 | Nam |     | Thạc sĩ |  |
| <b>2.5</b> | <b>Ngành Công nghệ KT Hóa học</b> |            |     |     |         |  |
| 1          | Trần Đăng Thạch                   | 01/03/1978 | Nam |     | Tiến sĩ |  |
| 2          | Nguyễn Văn Việt                   | 10/04/1948 | Nam | PGS | TSKH    |  |
| 3          | Trịnh Tổ Loan                     | 18/06/1982 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 4          | Trần Thị Thu Huyền                | 11/03/1983 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 5          | Nguyễn Thị Quang                  | 15/10/1967 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 6          | Trần Anh Việt                     | 28/05/1982 | Nam |     | Thạc sĩ |  |
| <b>2.6</b> | <b>Ngành Công nghệ KT Nhiệt</b>   |            |     |     |         |  |
| 1          | Thái Bá Cầu                       | 01/11/1939 | Nam | PGS | Tiến sĩ |  |
| 2          | Phạm Văn Trí                      | 25/02/1944 | Nam | PGS | Tiến sĩ |  |
| <b>2.7</b> | <b>Ngành Quản lý Công nghiệp</b>  |            |     |     |         |  |
| 1          | Hà Văn Lê                         | 25/10/1950 | Nam |     | Tiến sĩ |  |
| 2          | Nguyễn Thị Mỹ Duyên               | 20/04/1986 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 3          | Phan Ngọc Anh                     | 08/05/1974 | Nam |     | Thạc sĩ |  |
| 4          | Nguyễn Mạnh Hùng                  | 01/01/1979 | Nam |     | Thạc sĩ |  |
| 5          | Nguyễn Trọng Tiến                 | 01/11/1977 | Nam |     | Thạc sĩ |  |

|            |                                                  |            |     |     |         |  |
|------------|--------------------------------------------------|------------|-----|-----|---------|--|
| 6          | Trần Văn Thanh                                   | 01/10/1976 | Nam |     | Thạc sĩ |  |
| 7          | Trần Huỳnh Quang                                 | 23/07/1988 | Nam |     | Thạc sĩ |  |
| 8          | Trần Duy Hưng                                    | 20/09/1983 | Nam |     | Thạc sĩ |  |
| <b>2.8</b> | <b>Ngành Công nghệ KT Cơ khí</b>                 |            |     |     |         |  |
| 1          | Trần Mạnh Hà                                     | 24/04/1983 | Nam |     | Tiến sĩ |  |
| 2          | Nguyễn Quang Lạc                                 | 25/12/1945 | Nam | PGS | Tiến sĩ |  |
| 3          | Đinh Anh Tuấn                                    | 09/12/1983 | Nam |     | Thạc sĩ |  |
| 4          | Đậu Chí Dũng                                     | 06/02/1982 | Nam |     | Thạc sĩ |  |
| 5          | Nguyễn Đức Hiền                                  | 18/01/1984 | Nam |     | Thạc sĩ |  |
| 6          | Dương Thái Sơn                                   | 24/02/1981 | Nam |     | Thạc sĩ |  |
| 7          | Lê Giang Nam                                     | 25/08/1981 | Nam |     | Thạc sĩ |  |
| 8          | Trần Văn Hòa                                     | 15/06/1986 | Nam |     | Thạc sĩ |  |
| 9          | Nguyễn Đức Ngọc                                  | 23/03/1979 | Nam |     | Thạc sĩ |  |
| 10         | Nguyễn Thanh Tuấn                                | 18/02/1983 | Nam |     | Thạc sĩ |  |
| 11         | Trần Văn Long                                    | 28/09/1984 | Nam |     | Cử nhân |  |
| 12         | Dương Tuấn Anh                                   | 31/12/1981 | Nam |     | Cử nhân |  |
| <b>III</b> | <b>Khối ngành VII</b>                            |            |     |     |         |  |
| <b>3.1</b> | <b>Ngành Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành</b> |            |     |     |         |  |
| 1          | Lê Văn Hỷ                                        | 03/12/1968 | Nam |     | Tiến sĩ |  |
| 2          | Lê Văn Thông                                     | 02/12/1947 | Nam |     | Tiến sĩ |  |
| 3          | Nguyễn Minh Tuệ                                  | 04/07/1949 | Nữ  | PGS | Tiến sĩ |  |
| 4          | Đặng Duy Lợi                                     | 20/04/1944 | Nam | PGS | Tiến sĩ |  |
| 5          | Đỗ Thị Kim Liên                                  | 28/06/1951 | Nữ  |     | TSKH    |  |
| 6          | Nguyễn Văn Bình                                  | 20/08/1950 | Nam |     | Tiến sĩ |  |
| 7          | Phan Thị Yến                                     | 10/09/1987 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 8          | Nguyễn Giang Hương                               | 13/01/1985 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 9          | Chu Thị Lan Anh                                  | 24/12/1992 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 10         | Cao Đại Hùng                                     | 10/10/1977 | Nam |     | Thạc sĩ |  |
| 11         | Lê Linh Chi                                      | 10/01/1975 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 12         | Lê Thị Trà Giang                                 | 26/10/1989 | Nữ  |     | Cử nhân |  |
| 13         | Phạm Hữu Thanh                                   | 10/10/1953 | Nam |     | Cử nhân |  |
| <b>3.2</b> | <b>Ngành Quản trị khách sạn</b>                  |            |     |     |         |  |
| 1          | Trần Lê Sơn                                      | 13/07/1956 | Nam |     | Tiến sĩ |  |
| 2          | Hà Văn Hải                                       | 20/10/1951 | Nam |     | Tiến sĩ |  |
| 3          | Trần Hữu Nam                                     | 26/03/1952 | Nam |     | TSKH    |  |
| 4          | Đoàn Thị Hà                                      | 16/10/1985 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 5          | Phan Khánh Hối                                   | 16/03/1987 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 6          | Vương Thị Huyền                                  | 11/02/1990 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 7          | Trương Nam Thắng                                 | 17/08/1959 | Nam |     | Thạc sĩ |  |
| 8          | Nguyễn Bình Mạnh                                 | 12/02/1981 | Nam |     | Thạc sĩ |  |
| 9          | Lê Thị Bích Thủy                                 | 09/08/1964 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 10         | Hoàng Thị Thu Hiền                               | 22/01/1988 | Nữ  |     | Thạc sĩ |  |
| 11         | Võ Thị Hồng Thúy                                 | 30/05/1987 | Nữ  |     | Cử nhân |  |

| IV | Giảng viên cơ hữu môn chung |            |     |  |         |  |
|----|-----------------------------|------------|-----|--|---------|--|
| 1  | Võ Quang Hiệp               | 08/03/1952 | Nam |  | Thạc sĩ |  |
| 2  | Trần Hữu Cát                | 15/10/1936 | Nam |  | Tiến sĩ |  |
| 3  | Nguyễn Duy Cường            | 13/09/1983 | Nam |  | Thạc sĩ |  |
| 4  | Võ Thị Kim Cúc              | 18/10/1987 | Nữ  |  | Thạc sĩ |  |
| 5  | Nguyễn Thị Bích             | 10/08/1988 | Nữ  |  | Thạc sĩ |  |
| 6  | Nguyễn Hương Giang          | 13/11/1987 | Nữ  |  | Thạc sĩ |  |
| 7  | Đặng Thị Hải Chung          | 01/11/1986 | Nữ  |  | Thạc sĩ |  |
| 8  | Lê Mỹ Hạnh                  | 10/10/1982 | Nữ  |  | Thạc sĩ |  |
| 9  | Phan Thị Thu Hiền           | 05/08/1980 | Nữ  |  | Thạc sĩ |  |
| 10 | Lê Thị Bắc Hà               | 04/11/1980 | Nữ  |  | Thạc sĩ |  |
| 11 | Đặng Thị Hằng               | 08/09/1978 | Nữ  |  | Thạc sĩ |  |
| 12 | Đặng Đình Hạnh              | 11/04/1981 | Nam |  | Thạc sĩ |  |
| 13 | Võ Mạnh Thắng               | 10/02/1979 | Nam |  | Thạc sĩ |  |
| 14 | Cao Thị Phương Nhung        | 09/12/1986 | Nữ  |  | Thạc sĩ |  |
| 15 | Nguyễn Thị Lan Phương       | 07/02/1982 | Nữ  |  | Thạc sĩ |  |
| 16 | Nguyễn Thị Quỳnh Trang      | 19/08/1990 | Nữ  |  | Cử nhân |  |
| 17 | Đoàn Anh Tuấn               | 02/12/1983 | Nam |  | Cử nhân |  |

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

| II | Khối ngành     | Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi |
|----|----------------|-------------------------------------------|
| 1  | Khối ngành I   | x                                         |
| 2  | Khối ngành II  | x                                         |
| 3  | Khối ngành III | 14,39                                     |
| 4  | Khối ngành IV  | x                                         |
| 5  | Khối ngành V   | 5,66                                      |
| 6  | Khối ngành VI  | x                                         |
| 7  | Khối ngành VII | 1,185                                     |

Nghệ An, ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Q. HIỆU TRƯỞNG**



★ TS. Trần Mạnh Hà